

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: 894 /QĐ-ĐHKG ngày 25 tháng 8 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang)

Tên chương trình: QUẢN TRỊ KINH DOANH (BUSINESS ADMINISTRATION)

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Quản trị Kinh doanh

Mã ngành: 7340101

I. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (POs)

1.1 Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân quản trị kinh doanh có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, quản trị kinh doanh; có tính năng động sáng tạo và tầm nhìn chiến lược.

1.2 Mục tiêu cụ thể

1.2.1 Về kiến thức: Chương trình đào tạo trang bị cho sinh viên

- PO1: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; các kiến thức về An ninh - Quốc phòng và giáo dục thể chất.

- PO2: Có tri thức cơ bản về khoa học tự nhiên, xã hội và nhân văn;

- PO3: Vận dụng kiến thức cơ sở ngành hiện đại và kiến thức chuyên môn sâu để tổ chức thực hiện các công việc quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức, quản trị sản xuất trong doanh nghiệp, quản trị chiến lược và chính sách kinh doanh; đủ khả năng lập kế hoạch, chiến lược kinh doanh và giải quyết vấn đề trong lĩnh vực quản trị doanh nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu trong tình hình kinh doanh hiện đại hiện nay.

1.2.2 Về kỹ năng: Sinh viên có khả năng

- PO4: Vận dụng được kiến thức cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước để phát huy tính tự giác, tinh thần trách nhiệm, có lập trường, tư tưởng kiên định, bản lĩnh chính trị vững vàng, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch;

- PO5: Vận dụng kỹ năng ngoại ngữ, công nghệ thông tin và các kỹ năng mềm; từ đó vận dụng vào cuộc sống, học tập và công việc sau này;

- PO6: Xây dựng được chính sách kinh doanh, chiến lược kinh doanh; điều hành doanh nghiệp và giải quyết được các vấn đề thực tiễn trong kinh doanh; Trau dồi khả năng tự học, làm việc độc lập, làm việc nhóm nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường trong hoạt động kinh doanh hiện nay.

1.2.3 Về thái độ

- PO7: Kích thích tư duy, tạo hứng thú để sinh viên có ý thức trong học tập để giúp sinh viên tin tưởng vào nền tảng tư tưởng của Đảng và xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng;

- PO8: Tạo điều kiện cho sinh viên rèn luyện năng lực tư duy lý luận để vạch ra phương hướng nhận thức khoa học, từ đó giải quyết những vấn đề cấp bách đang diễn ra trong thực tiễn cuộc sống. Giúp sinh viên có ý thức được trong hoạt động nhận thức, hoạt động thực tiễn từ đó làm theo quy luật, tôn trọng quy luật.

II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (PLOs)

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo, sinh viên có khả năng:

2.1 Chuẩn đầu ra Học phần đại cương

PLO1: Áp dụng được kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học chính trị, pháp luật vào các vấn đề thực tiễn.

PLO2: Vận dụng được kiến thức giáo dục An ninh - Quốc phòng và đạt năng lực thể chất.

PLO3: Sử dụng ngoại ngữ đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT). Việc quy đổi, công nhận một số chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho người Việt Nam được thực hiện theo quy định hiện hành.

PLO4: Có trình độ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (theo Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT BGDĐT-BTTTT).

PLO5: Thể hiện năng lực dẫn dắt về chuyên môn và nghiệp vụ đã được đào tạo, khả năng tự định hướng và thích nghi với môi trường làm việc, năng lực học tập suốt đời và động cơ khởi nghiệp.

PLO6: Tuân thủ pháp luật, thể hiện sự hiểu biết về các chuẩn mực đạo đức và ý thức trách nhiệm đối với công việc và cộng đồng.

2.2 Chuẩn đầu ra Học phần ngành và chuyên ngành

PLO7: Áp dụng được các kiến thức nền tảng, phương pháp nghiên cứu về kinh tế để phân tích, giải thích được các vấn đề cơ bản về chuyên môn thuộc khối ngành kinh tế.

PLO8: Vận dụng kiến thức chuyên ngành quản trị kinh doanh để giải quyết những vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh và quản trị như phân tích được các rủi ro

liên quan đến hoạt động kinh doanh, có khả năng đàm phán kinh doanh, quan hệ công chúng, khởi sự doanh nghiệp và có nghệ thuật lãnh đạo.

PLO9: Thực hiện được các nghiệp vụ kinh doanh cơ bản, các giao dịch thương mại, kỹ năng xây dựng và trình bày chiến lược kinh doanh, đàm phán trong kinh doanh, trong nghệ thuật lãnh đạo.

PLO10: Lập kế hoạch sản xuất, quản trị chất lượng cho các doanh nghiệp. Có khả năng dẫn dắt, khởi sự doanh nghiệp, tạo việc làm cho mình và người khác.

PLO11: Sử dụng được một phần mềm chuyên ngành để xử lý các dữ liệu trong lĩnh vực kinh doanh. Đề xuất giải pháp kinh doanh đáp ứng sự thay đổi trong môi trường kinh doanh và hội nhập quốc tế.

PLO12: Phân tích được hoạt động kinh doanh, chiến lược kinh doanh để đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản trị kinh doanh. Đánh giá được hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

PLO13: Truyền đạt được vấn đề và giải pháp để xử lý các công việc liên quan đến hoạt động quản trị kinh doanh của doanh nghiệp.

PLO14: Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; có khả năng lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả công việc.

PLO15: Giải quyết vấn đề một cách độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi; đánh giá cơ hội để thích ứng, lập nghiệp và thăng tiến trong nghề nghiệp

Bảng 1: Quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT.

Mục tiêu (POs)	Chuẩn đầu ra (PLOs)														
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
PO1	x	x													
PO2	x		x	x											
PO3							x	x							
PO4		x				x									
PO5			x	x											
PO6							x	x	x	x	x	x	x		
PO7					x									x	
PO8						x	x	x	x	x					x

Bảng 2: Kiểm tra mức độ đáp ứng của các CDR CTĐT với khung trình độ Quốc gia (bậc Đại học)

STT	Kiến thức					Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
	KT 1	KT 2	KT 3	KT 4	KT 5	KN 1	KN 2	KN 3	KN 4	KN 5	KN 6	TCTN 1	TCTN 2	TCTN 3	TCTN 4
PLO1		x						x				x			
PLO2		x						x				x			
PLO3		x									x	x			
PLO4			x			x						x			
PLO5	x				x	x	x	x				x	x		
PLO6		x				x						x			
PLO7					x	x						x			
PLO8	x			x			x	x	x				x		x
PLO9				x				x	x					x	
PLO10				x			x						x		x
PLO11			x						x						x
PLO12	x				x	x									x
PLO13	x								x			x			
PLO14	x								x				x		
PLO15	x					x						x			

III. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 121 tín chỉ

Bảng 3: Cấu trúc kiến thức của chương trình

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ		
		Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn
I	Kiến thức giáo dục đại cương	28	24	4
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	93	83	10
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	35	30	05
2.2	Kiến thức chuyên ngành	48	43	05
2.3	Khóa luận tốt nghiệp hoặc tương đương	10	10	10
Tổng cộng:		121	107	14

Bảng 4: Ma trận giữa các khối kiến thức và PLOs

Khối kiến thức	Số tín chỉ	Tỷ lệ	Chuẩn đầu ra (PLOs)															
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13	PLO14	PLO15	
I Kiến thức giáo dục đại cương	28	23,1%	x	x	x	x	x											
II Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	93	76,9%																
1 Kiến thức cơ sở ngành	36	29,7%					x							x				
2 Kiến thức chuyên ngành	47	38,8%												x		x	x	x
3 Khóa luận tốt nghiệp (hoặc tương đương)	10	8,4%																
Tổng cộng	121	100%																

IV. DANH SÁCH CÁC HỌC PHẦN

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết			
				Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm	Bài tập ứng dụng	Tổng
Kiến thức giáo dục đại cương			28				
1.1 Khối kiến thức bắt buộc			24				
1	Z25005	Triết học Mác – Lênin	3	37	0	8	45
2	Z25006	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	21	0	9	30
3	Z25007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	24	0	6	30
4	Z25008	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	22	0	8	30
5	Z25009	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21	0	9	30
6	A25001	Pháp luật đại cương	2	21	0	9	30
7	G25170	Tin học cơ sở	3	30	30	0	60
8	F25011	Tiếng Anh 1	2	15	0	15	30
9	F25012	Tiếng Anh 2	3	21	0	24	45
10	F25013	Tiếng Anh 3	3	21	0	24	45
1.2 Khối kiến thức bắt buộc (không tích lũy)			12				
11	Z25010	Giáo dục thể chất 1	1	0	30	0	30
12	Z25011	Giáo dục thể chất 2	1	0	30	0	30
13	Z25012	Giáo dục thể chất 3	1	0	30	0	30
14	Z25001	Đường lối Quốc phòng và An Ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	45	0	0	45

15	Z25002	Công tác Quốc phòng và an ninh	2	30	0	0	30
16	Z25003	Quân sự chung	2	14	16	0	30
17	Z25004	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	0	60	0	60
1.3 Kiến thức tự chọn			4				
18	A25013	Thực hành văn bản Tiếng Việt	2	15	30	0	45
19	B25001	Tư duy hệ thống	2	15	30	0	45
20	A25014	Nghệ thuật giao tiếp	2	15	30	0	45
21	A25007	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	30	0	0	30
22	C25001	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	2	15	30	0	45
II. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			93				
2.1 Kiến thức cơ sở ngành			35				
Kiến thức bắt buộc			30				
23	B26001	Kinh tế vi mô	3	30	0	15	45
24	B26002	Kinh tế vĩ mô	3	30	0	15	45
25	B26005	Marketing căn bản	3	30	0	15	45
26	B26008	Quản trị học	3	30	0	15	45
27	B26006	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	15	30	0	45
28	B26061	Quản trị nguồn nhân lực	2	15	0	15	30
29	B26004	Nguyên lý kế toán	3	30	0	15	45
30	B26014	Thuế	3	30	0	15	45
31	B26038	Phân tích định lượng trong kinh doanh	3	30	0	15	45
32	A25009	Lý thuyết và xác suất thống kê toán	3	30	0	15	45
33	A25045	Toán kinh tế	2	20	0	10	30
Kiến thức tự chọn			5				

Kiến thức tự chọn 1			3				
34	B26003	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	30	0	15	45
35	B26015	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại		30	0	15	45
36	B26100	Lý thuyết tài chính tiền tệ		30	0	15	45
Kiến thức tự chọn 2			2				
37	B27158	Hệ thống thông tin quản lý	2	15	0	15	30
38	B27185	Quan hệ công chúng		15	0	15	30
2.2 Kiến thức ngành			58				
Kiến thức bắt buộc			26				
39	B27007	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	30	0	15	45
40	B27008	Quản trị tài chính	3	30	0	15	45
41	B27083	Phân tích hành vi người tiêu dùng	2	15	0	15	30
42	B27156	Quản trị chiến lược	3	30	0	15	45
43	B27057	Quản trị Marketing	3	30	30	0	60
44	B27054	Quản trị sản xuất	3	30	30	0	60
45	B27071	Quản trị chuỗi cung ứng	3	30	0	15	45
46	B27077	Quản trị sự thay đổi	3	30	30	0	60
47	B27006	Kế toán quản trị	3	30	0	15	45
Kiến thức tự chọn			5				
Kiến thức tự chọn 1			3				
48	B26033	Kinh tế quốc tế	3	30	0	15	45
49	B27061	Hành vi tổ chức		30	0	15	45
50	B26042	Giao dịch TM quốc tế		30	30	0	60
51	B26068	Thanh toán quốc tế		30	0	15	60
Kiến thức tự chọn 2			2				

52	B27081	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	2	15	0	15	30
53	B27079	Thương mại điện tử		15	30	0	45
Chuyên ngành QTKD			17				
54	B27157	Quản trị công nghệ và đổi mới	3	30	0	15	45
55	B27177	Anh văn chuyên ngành 1 (QTKD)	2	15	0	15	30
56	B27178	Anh văn chuyên ngành 2 (QTKD)	2	15	0	15	30
57	B27096	Quản trị chất lượng	3	30	0	15	45
58	B27078	Quản trị kinh doanh quốc tế	3	30	0	15	45
59	B27066	Thực tập nghề nghiệp (QTKD)	4	0	180	0	180
Chuyên ngành QTKDKS			17				
60	B27179	Anh văn chuyên ngành 1 (QTKDKS)	2	15	0	15	30
61	B27180	Anh văn chuyên ngành 2 (QTKDKS)	2	15	0	15	30
62	B27167	Quản trị kinh doanh khách sạn	3	30	0	15	45
63	B27159	Quản trị lễ tân	3	30	30	0	60
64	B27169	Công nghệ buồng, bàn, bar	3	30	30	0	60
65	B27168	Thực tập nghề nghiệp (QTKDKS)	4	0	180	0	180
Kiến thức tốt nghiệp			10				
66	B28024	Khóa luận tốt nghiệp	10	0	450	0	450
Hoặc các học phân thay thế			10				
67	B28019	Khởi sự doanh nghiệp	2	15	30	0	45

0.4.0



68	B28025	Quản trị rủi ro trong kinh doanh	3	30	0	15	45
69	B28020	Nghệ thuật lãnh đạo	3	30	0	15	45
70	B28017	Đàm phán trong kinh doanh	2	15	30	0	45

V. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Căn cứ vào chương trình đào tạo Khoa tổ chức xây dựng Kế hoạch giảng dạy phù hợp với hình thức đào tạo của trường theo Quyết định số 498/QĐ-ĐHKG ngày 18 tháng 08 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Kiên Giang.

Căn cứ vào Kế hoạch giảng dạy của khoa, sinh viên chủ động sắp xếp kế hoạch học tập sao cho phù hợp với khả năng, năng lực của mình và đáp ứng được yêu cầu của chương trình đào tạo./.

HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Văn Thành